TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ QUẢNG** **TỈNH BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-ST
Ngày 05 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HQ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Bá Thanh**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Vi Văn Coóng.**
2**.** Ông **Lê Đại Tiến.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thiết** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HQ, tỉnh B.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H Q, tỉnh B tham gia phiên tòa:* Bà **Bế Thị Hạnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 03 năm 2022 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Nông Văn T** (tên gọi khác: Không)**,** sinh ngày: 26 tháng 4 năm 1995 tại Ngọc Đ, H, B; Nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã Đ, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12 PT; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn S (Đã chết) và bà Long Thị E, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: Bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Giang Thị H, sinh năm 1996; Con: có 01 con, hiện được 6 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: **Nông Anh T** (tên gọi khác: Không)**,** sinh ngày: 18 tháng 5 năm 2003 tại Đ, H, B; Nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã Đ, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12 PT; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Ch, sinh năm 1975 và bà Long Thị E, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: Bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3- Họ và tên: **Nông Văn S**(tên gọi khác: Không)**,** sinh ngày: 06 tháng 11 năm 1985 tại Đ, H, B; Nơi ĐKHKTT: Xóm G, xã Đ, huyện Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12 PT; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Thế D, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; Vợ: Đàm Thị K, sinh năm 1988; Con: có 01 con, hiện được 13 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T:* Bà **Hà Thị H**, Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Anh T:* Bà **Nông Thị Thu Tr**, Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

- *Bị hại:* Ông **Bành Đức Đ**, sinh năm 1982. Trú tại: Xóm T, thị trấn H, huyện Q, tỉnh B (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng trong vụ án:* Ông **Ban Vĩnh P**, sinh năm 1982. Trú tại: Xóm T, thị trấn H, huyện H A, tỉnh B(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ, ngày 05/11/2021, Bành Đức Đ (sinh năm 1982), Ban Vĩnh P(sinh năm 1982), trú tại xóm T, thị trấn Nước H, huyện Q, tỉnh B lên dựng lán bạt, giăng lưới, bật loa để bẫy chim tại khu vực cánh đồng thuộc xóm B, xã Ngọc Đ, huyện Q, tỉnh B gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

Khi biết được sự việc, khoảng 20 giờ cùng ngày Nông Văn T (trú tại Cốc Ch, Đ, Q, B) gọi điện thoại báo cho Công an xã Đ để phản ánh. Sau đó, Nông Văn T và Nông Văn S (trú tại Nà G, Đ, Q, B) mỗi người điều khiển 01 xe mô tô từ nhà S đi đến khu vực cánh đồng - nơi Đ và P bẫy chim để xem xét. Tại đây, T yêu cầu Đ và P dừng việc bẫy chim vì bật loa to gây tiếng ồn, Đ và P không nhất trí. T và Đ có lời qua tiếng lại, Đ thách thức T đánh nhau. Lúc này, lực lượng Công an xã Đ vừa đến nên đã yêu cầu hai bên dừng lại. Do cảm thấy bực tức vì Đ thách thức đánh nhau, T điều khiển xe về nhà tìm được một số hung khí mục đích quay lại dùng để đánh nhau với Đ, gồm:

+ 01 (một) thanh kim loại dạng kiếm tự chế đã rỉ sét, tay cầm bằng gỗ, bọc ngoài ống nhựa màu đen. Một đầu của thanh kim loại nhọn. Thanh kim loại dài 0,98m (không phẩy chín mươi tám mét), rộng 03cm (ba centimet), dày 0,1cm (không phẩy một centimet). Tay cầm dài 21,5cm (hai mốt phẩy năm centimet), đường kính 02cm (hai centimet).

+ 01 (một) chiếc rìu đen hai đầu bằng kim loại. Một đầu có lưỡi sắc nhọn, kích thước lưỡi dày 9,5cm (chín phẩy năm centimet). Đầu còn lại nhọn, tay cầm bằng nhựa màu đen dài 36cm (ba mươi sáu centimet), dường kính 02cm (hai centimet).

+ 01 (một) đoạn cây tre đã khô, dài 1,04m (một phẩy không bốn mét), đường kính 03cm (ba centimet), một đầu cắt thẳng, đầu còn lại bị đốt cháy nham nhở.

+ 01 (một) đoạn cây tre đã khô, dài 1,34m (một phẩy ba mươi tư mét), đường kính trung bình 3,5cm (ba phẩy năm centimet) một đầu được cắt phẳng, đầu còn lại được cắt vát.

+ 01 (một) đoạn ống nhựa màu đen, dài 1,07m (một phẩy không bảy mét), đường kính 02cm (hai centimet).

+ 01 (một) thanh kim loại dài 1,09m (một phẩy không chín mét), đường kính 02cm (hai centimet).một đầu được bịt nhựa màu đỏ, bên trong thanh kim loại rỗng ruột.

Sau khi chuẩn bị số hung khí trên, T buộc lại cho lên giá đằng trước xe và điều khiển xe mô tô ra khỏi nhà, đến trước cửa nhà, T gặp em trai T là Nông Anh T (sinh năm 2003) vừa đi chơi về, T nói "đi theo anh, có thằng đòi đánh anh". T không nói gì, nhưng hiểu ý là cùng đi giúp T đánh nhau nên ngồi lên sau xe đi theo T. T điều khiển xe đến chỗ Đ và Ph bẫy chim. Lúc này S đang đi trên đường, thấy T và T quay lại, S cũng điều khiển xe quay lại đi theo T và T. Khi đến cầu bê tông thuộc xóm B, T dừng xe. Tay phải T cầm thanh kiếm tự chế và một đoạn cây tre, tay trái cầm 01 chiếc rìu chạy đến chỗ của Đ. Lúc này theo yêu cầu của Công an xã Đ, Đ và P đang thu dọn đồ dùng bẫy chim, T cầm kiếm, cây và rìu đuổi Đ. Sợ bị đánh, Đ bỏ chạy quanh lực lượng Công an xã Đ. Công an ra hiệu lệnh cho T dừng lại, nhưng T chỉ bỏ thanh tre xuống, cầm kiếm tự chế và rìu vẫn tiếp tục đuổi Đ, được một lúc, T mệt, dừng lại. Đ nghĩ T không đuổi đánh nữa nên tiếp tục đi vào lán thu dọn đồ. Thấy vậy, T tiếp tục dùng thanh kim loại dạng kiếm tự chế lao vào đánh Đ thì Đ vứt bao chăn về phía T và bỏ chạy, chạy được khoảng 10 mét, Đ bị vấp ngã xuống mương bê tông. Thấy T đuổi sắp đến, Đ vùng dậy tiếp tục chạy, được một đoạn, Đ tiếp tục ngã úp mặt xuống dưới đất. T chạy đến vung thanh kim loại dạng kiếm tự chế vụt đánh 2 phát trúng vào vùng lưng của Đ. Lúc này S chạy đến, thấy Đ đang ngã, S quan sát thấy gần đấy có 01 đoạn cây dài khoảng 60cm, tay phải S cầm lấy đoạn cây vụt đánh trúng vào người Đ 2 phát. Đ vùng dậy chạy về phía trước. Lúc này, T ở đoạn xe mô tô ở cầu bê tông nghe thấy tiếng T hô "đứng lại" đoán là có đánh nhau tay phải T cầm thanh kim loại rỗng ruột, tay trái cầm đoạn cây tre 1 đầu bị cháy nham nhở chạy lại vị trí đánh nhau, T dùng thanh kim loại và đoạn tre lần lượt vụt 2 lần trúng vào lưng Đ. Lực lượng Công an xã Đ tiếp tục ngăn cản không cho, T, T, S tiếp tục đánh. S kéo T và T đi về. Sau khi bị đánh, Bành Đức Đ bị thương phải đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B từ ngày 05/11/2021 đến ngày 08/11/2021 *(Bút lục số: 04, 34 đến 86; 123 đến 141).*

Ngày 09/11/2021, Bành Đức Đ có đơn trình báo, ngày 15/12/2021 Bành Đức Đ yêu cầu khởi tố vụ án, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật *(Bút lục số: 03, 87).*

Ngày 16/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q ra Quyết định trưng cầu số 53 trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh B giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Bành Đức Đ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 162/21/TgT ngày 22/11/2021 Trung tâm pháp y tỉnh B đã kết luận:

- *Dấu hiệu chính qua giám định:* Biến đổi rối loạn sắc tố da sau chấn thương sây sát da vùng lưng và cánh cẳng tay phải: 01%.

Đám bầm tím vùng lưng bên trái, trong bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể không có quy định đánh giá tỷ lệ tổn thương: 0%.

- *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây đối với Bành Đức Đ là: 1% (một phần trăm) (Bút lục số: 31, 33).*

Hành vi của các đối tượng: Nông Văn T dùng thanh kim loại dạng kiếm tự chế, Nông Anh T sử dụng một thanh kim loại rỗng ruột, 01 đoạn cây tre, Nông Văn S dùng 01 đoạn cây khoảng 60cm trực tiếp đánh vào vùng lưng, thân thể Bành Đức Đ là sử dụng hung khí nguy hiểm. Bị hại có yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật nên các bị các bị cáo phải chịu trách nhiệm của hành vi mình gây ra.

Quá trình điều tra Nông Văn S đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của T, T, S đều phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được. Đối với đoạn cây mà Nông Văn S xác nhận được sử dụng để đánh Bành Đức Đ, do sau khi đánh xong S vứt đi, quá trình điều tra không thu giữ được. Tuy nhiên, việc T, T, S cùng đánh Bành Đức Đ mặc dù không có bàn bạc từ trước, không phân công, không phân nhiệm vụ cụ thể nhưng khi thấy T đánh T thì T và S đều đánh, mục đích là giúp T. Hành vi của T, T, S thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn trong vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại có yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm. Các bị cáo đều chưa bồi thường cho bị hại.

Đối với hành vi bẫy chim tự nhiên của bị hại Bành Đức Đ và Ban Vĩnh P, T và P khai nhận đều được đến cánh đồng thuộc xóm B, xã HQ để bẫy chim tự nhiên, việc bẫy chim tự nhiên diễn ra nhiều ngày. Tuy nhiên, quá trình điều tra không thu giữ được cá thể chim nào, chưa đủ căn cứ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, quá trình bẫy chim T và P có sử dụng loa phát thanh vào ban đêm sau khoảng thời gian 22 giờ gây tiếng ồn ảnh hưởng đến sự yên tĩnh của khu dân cư sinh sống. Công an huyện HQ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Bành Đức Đ, Ban Vĩnh P theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 6 Nghị định 167/2013/NĐ-CP là phù hợp.

Quá trình điều tra vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện HQ đã tiến hành tạm giữ gồm: Thanh kim loại dạng kiếm tự chế, 02 đoạn cây tre, 01 cái rìu, 01 ống nhựa màu đen, 01 thanh kim loại rỗng ruột là các hung khí Nông Văn T chuẩn bị mang đến hiện trường, cơ quan chức năng còn thu giữ 01 điện thoại di động của Nông Văn S, 01 cái áo của Bành Đức Đ, 01 chiếc đèn pin của Nông Văn T và toàn bộ các công cụ phục vụ cho việc bẫy chim của Ban Văn P, Bành Đức Đ. Tất cả vật chứng và đồ vật trên hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện HQ.

Cáo trạng số: 05/CT-VKSHQ ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện HQ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện HQ để xét xử các bị cáo Nông Văn T, Nông Anh T, Nông Văn S về tội: "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu đều phù hợp với các tài liệu và lời khai của T, T, S có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội: "Cố ý gây thương tích", Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và áp dụng các căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt đối với các bị cáo như sau:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 08 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 24 tháng.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Anh T từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Văn S từ 08 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 24 tháng.

+ Về phần trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nông Văn T, Nông Anh T, Nông Văn S phải bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho bị hại Bành Đức Đ theo quy định của pháp luật.

* Về xử lý vật chứng vụ án đề nghị: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) thanh kim loại dạng kiếm tự chế đã rỉ sét, tay cầm bằng gỗ, bọc ngoài ống nhựa màu đen. Một đầu của thanh kim loại nhọn. Thanh kim loại dài 0,98m (không phẩy chín mươi tám mét), rộng 03cm (ba centimet), dày 0,1cm (không phẩy một centimet). Tay cầm dài 21,5cm (hai mốt phẩy năm centimet), đường kính 02cm (hai centimet); 01 (một) chiếc rìu đen hai đầu bằng kim loại. Một đầu có lưỡi sắc nhọn, kích thước lưỡi dày 9,5cm (chín phẩy năm centimet). Đầu còn lại nhọn, tay cầm bằng nhựa màu đen dài 36cm (ba mươi sáu centimet), dường kính 02cm (hai centimet); 01(một) đoạn cây tre đã khô, dài 1,04m (một phẩy không bốn mét), đường kính 03cm (ba centimet), một đầu cắt thẳng, đầu còn lại bị đốt cháy nham nhở; 01 (một) đoạn cây tre đã khô, dài 1,34m (một phẩy ba mươi tư mét), đường kính trung bình 3,5cm (ba phẩy năm centimet) một đầu được cắt phẳng, đầu còn lại được cắt vát; 01 (một) đoạn ống nhựa màu đen, dài 1,07m (một phẩy không bảy mét), đường kính 02cm (hai centimet); 01 (một) thanh kim loại dài 1,09m (một phẩy không chín mét), đường kính 02cm (hai centimet), một đầu được bịt nhựa màu đỏ, bên trong thanh kim loại rỗng ruột; 01 chiếc đèn pin màu vàng, tím than, đã qua sử dụng, trên đèn pin có gắn dây đeo.

- Trả lại cho Nông Văn S 01 chiếc điện thoại di động, mặt lưng màu xanh đen, nhãn hiệu VIVO, có số IMEI 1: 861177059947212; IMEI 2: 861177059947204.

Điện thoại lắp 02 sim. Số thuê bao sim 1: 0989336215, sim 2: 0834329251. Điện thoại đã qua sử dụng, không liên quan đến vụ án.

* Còn lại các tài sản, vật dụng dùng để bẫy chim tự nhiên của Bành Đức Đ, Ban Vĩnh P cần xử lý như sau:

- Trả lại cho Bành Đức Đ 01 áo dài tay màu tím than, đỏ, trên ngực trái ngực áo có dòng chữ "NGÔI SAO SÁNG THÀNH PHỐ B" màu trắng. Phần lưng áo có bám dính đất. Áo có hai túi bên trong không có đồ vật gì.

- Cần tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 ắc qui đã qua sử dụng, màu đen. Trên ác qui có ghi dòng chữ "BATERI STANDARD", kích thước dài 18cm, rộng 0,7cm, cao 17cm; 01 loa phát thanh đã qua sử dụng, màu đen, có kích thước rộng 11,5cm, dài 28cm, cao 18cm; 01 chiếc bao tải dứa màu cam bên trong chứa: 01 tấm lưới bằng cước màu trắng, kích thước dài 30m, rộng 1,3m, đã qua sử dụng, có nhiều vết rách trên lưới; 01 túi cước dạng lưới màu xanh lục, đã qua sử dụng, có đường kính 60cm, dài 90cm; 01 tấm bạt đã qua sử dụng, một mặt màu đen, một mặt màu xanh lục, có miếng vá màu xanh dương ở góc bạt. Bạt có kích thước dài 02m, rộng 1,7m; 01 tấm bạt ny lon đã qua sử dụng, một mặt màu cam, mặt còn lại màu xanh dương, kích thước dài 04m, rộng 3,7m; 01 đầu cắm thẻ nhớ đã qua sử dụng, nhãn hiệu SON-288; 01 đèn pin đội đầu đã qua sử dụng, nhãn hiệu GUIPIN; 01 dao quắm màu đen đã qua sử dụng, dài 34cm, tay cầm dài 09cm, lưỡi dao dài 23cm..

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo: Nông Văn T, nhất trí với tội danh, nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo đã thừa nhận việc đánh anh T và gây thương tích như kết luận giám định pháp y, lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra. Do đó Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ pháp luật, phù hợp với hành vi của bị cáo không nói lại. Tuy nhiên khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử cần căn cứ như sau: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cần áp dung tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo theo mức án thấp nhất của khung hình phạt Bộ luật hình sự. Về phần bồi thường dân sự các khoản yêu cầu của bị hại đưa ra là quá cao so với khả năng và điều kiện của bị cáo, một số yêu cầu đưa ra là không có căn cứ cũng như yêu cầu tổn thất tinh thần cầu quá cao so với thực tế, khi bị hại chỉ bị có mất 1% sức khỏe, chỉ chấp nhận 01 tháng lương cơ sở 1.490.000đ với mức bồi thường hợp lý, đối với phần án phí dân sự sơ thẩm bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo: Nông Anh T, nhất trí với tội danh, nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo đã thừa nhận việc đánh anh T và gây thương tích như kết luận pháp y, lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra. Do đó Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ pháp luật, phù hợp với hành vi của các bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử cần căn cứ như sau:

Xét về nhân thân có nhân thân tốt, tuổi đời còn rất trẻ, nguyên nhân đi đánh bị hại là do anh trai rủ rê, có vai trò thứ yếu trong vụ án, tại cơ quan điều và tại phiên tòa thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ từ 06 đến 09 tháng. Về trách nhiệm dân sự cũng nhất trí như ý kiến đồng nghiệp đã bào chữa bị cáo T ở trên và phần án phí dân sự bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại Bành Đức Đ nhất trí với phần luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo Nông Văn T, Nông Anh T, Nông Văn S với mức án theo quy định của pháp luật.

Cả hai bị cáo Nông Văn T, Nông Anh T đều nhất trí với lời đề nghị của người bào chữa cho mình, không có ý kiến gì bổ sung.

Các bị cáo nhất trí nội dung Cáo trạng đã truy tố cũng như nội dung bản luận tội, các bị cáo không có tranh luận gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện HQ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện HQ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi thực hiện phạm tội đúng như cáo trạng truy tố. Căn cứ buộc tội là phù hợp với diễn biến của vụ án, thể hiện các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, cùng với biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, cùng bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 162/21/TgT ngày 22/11/2021 Trung tâm pháp y tỉnh B và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 05/11/2021 tại khu vực xóm B, xã N, huyện HQ, tỉnh B, Nông Văn T dùng thanh kim loại dạng kiếm tự chế vụt đánh 2 phát trúng vào vùng lưng của T, S dùng 01 đoạn cây dài khoảng 60cm vụt đánh trúng vào lưng người anh T 2 phát, T dùng thanh kim loại rỗng ở trong và đoạn tre lần lượt vụt 2 lần trúng vào lưng anh T. Gây thương tích cho anh T với tỷ lệ tổn thương cơ thể, do thương tích gây nên là

1% (một phần trăm). Các bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, nhận thức được hành vi của mình, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do các bị cáo phạm tội dùng hung khí nguy hiểm nên các bị cáo đã bị truy tố về tội "Cố ý gây thương tích" được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện HQ truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a, dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hiểm cho nhiều người.

[3] Xét hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến thân thể, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, phạm tội khi bị hại đã chạy, không có mục đích chống trả đánh lại các bị cáo, bị hại đã ngã lần một. Sau khi T không đuổi kịp, bị hại quay lại đang thu dọn đồ đạc bẫy chim theo đề nghị của Công an xã N, T lại tiếp tục đuổi đánh và bị hại vấp ngã lần hai T đã dùng thanh kim loại dạng kiếm tự chế vụt vào lưng ông T hai phát, S dùng khúc cây nhặt được dài 60cm vụt vào lưng ông T hai phát, T dùng thanh kim loại rỗng ở trong và đoạn tre lần lượt vụt 2 lần trúng vào lưng ông T, gây thương tích cho ông T như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Trước đó Công an xã N đã lên chỗ ông T, ông P bẫy chim để làm việc, đãng nhẽ ra việc này chưa cần thiết phải dùng vũ lực để giải quyết gây thương tích cho nhau mà có thể giải quyết bằng tình cảm con người. Tuy nhiên bị cáo T không nghĩ như vậy với bản tính hung hăng khi được Công an xã N nhắc nhở không cho đánh nhau nữa, T có những cử chỉ và thái độ lời nói thiếu tôn trọng các đồng chí Công an làm nhiệm vụ. Sau khi sự việc xảy ra S kéo T và T đi về thì sự việc mới kết thúc, bị hại phải đưa đi cấp cứu. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Phân hóa vai trò phạm tội trong vụ án thấy rằng bị cáo Nông Văn T giữ vai trò chính. Sau khi ăn cơm tại nhà S trong khi nói chuyện được bố S nói dạo này có người đến bẫy chim trời đêm mở loa to làm mất giấc ngủ, nên T đã rủ S đi xe máy đến chỗ những người bẫy chim để nói chuyện, trên đường đi có nhổ một cây cọc dài khoảng 01m cầm theo và đến chỗ ông T, ông P. Đến chỗ ông T, ông P. T nhổ cọc cắm lưới bẫy chim nhưng cọc chắc không nhổ được. Sau đó T dùng cây đem theo đập vào lán dựng tạm của ông T, ông P và hai bên có lời qua tiếng lại cãi nhau, hai bên thách thức đánh nhau. Do bực tức trong lòng T đã bỏ về nhà chuẩn bị hung khí để lên đánh ông T cho bõ tức như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Xác định trong vụ án này trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất, phân vai, phân việc, nên chỉ coi là vụ án có đồng phạm giản đơn, không coi là tội phạm có tổ chức. Bị cáo T và S có vai trò không đáng kể trong vụ án.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Nông Văn T chưa có tiền án, nhưng có một tiền sự ngày 06/9/2018 bị Công an huyện HQ xử phạt hành chính phạt tiền 2.000.000đ về "Hủy hoại nguồn lợi thủy sản", bị cáo đã nộp xong và được xóa tiền sự; Bị cáo Nông Anh T chưa có tiền án, tiền sự trong tàng thư căn cước Công an tỉnh B; Bị cáo Nông Văn S có một tiền án: Tại bản án số 03/HSST ngày 14/7/2004 bị Tòa án nhân dân huyện HQ xử phạt 26 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội: "trộm cắp tài sản" (đã thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án); Ngày 27/6/2018 bị Công an huyện Hòa An, tỉnh B xử phạt hành chính bằng hình thức: Cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã được xóa tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi xét xử Nông Văn S đã tự nguyện đến Chi cục thi hành án dân sự huyện HQ tạm nộp số tiền 2.000.000đ, để khắc phục hậu quả gây ra cho bị hại, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này bị cáo Nông Văn T và Nông Anh T, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên 2 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra cả ba bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm của mình, do đó các bị cáo sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện HQ và hai luận cứ của người bào chữa, bào chữa cho bị cáo Nông Văn T và Nông Anh T thấy rằng: Về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phần bồi thường dân sự đều phù hợp trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện như trong quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Tuy nhiên người bào chữa cho bị cáo Nông Anh T có quan điểm cho rằng bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng điều 36 của Bộ luật hình sự cho bị cáo T mức án cải tạo không giam giữ từ 06 đến 09 tháng, ý kiến của Kiểm sát viên tranh luận đối đáp lại người bào chữa cho bị cáo T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị hình phạt án treo, gắn với thời gian thử thách thì mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử cũng phân tích các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân hành vi phạm tội, vai trò hậu quả gây ra cho bị hại không lớn, nhưng bị cáo dùng hung khí nguy hiểm nếu cho hưởng cải tạo không giam giữ là không có tính răn đe phòng ngừa chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T đưa ra và nhất trí theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện HQ với mức án treo là phù hợp.

[6] Về hình phạt: Tại phiên tòa Nông Văn T, Nông Anh T và Nông Văn S đều đã nhận thức đầy đủ về hành vi phạm tội của mình có khả năng và tỏ ra có quyết tâm cải tạo tại nơi cư trú, cho nên việc cho các bị cáo hưởng án treo không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm ở địa phương. Do đó không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà giao các bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo cũng

có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, để các bị cáo lấy đây làm bài học tự sửa chữa sai lầm và đồng thời làm gương cho kẻ khác.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bành Đức Đ trước khi phiên tòa đã cung cấp các chứng từ liên quan các khoản đã chi phí trong việc chữa trị mà các bị cáo T, T, S đã gây ra, và yêu cầu gồm các khoản tiền sau: Tiền thuê xe ô tô đưa cấp cứu từ xã N đến Bệnh viện đa khoa tỉnh: 450.000đ; Tiền giám định sức khỏe (có hóa đơn): 1.215.000đ; Tiền viện phí 1.033.700đ (có hóa đơn); Tiền phô tô bệnh án (có hóa đơn): 200.000đ; Tiền chụp X.Quang (có hóa đơn): 230.700đ; Tiền thuốc uống lần 01: 445.650đ (có hóa đơn), lần 02: 640.000đ (mua ngoài không có hóa đơn), lần 3: 373.000đ (mua ngoài không có hóa đơn)= 1.458.650đ; Tiền mất thu nhập nằm điều trị tại bệnh viện: 04 ngày x 400.000đ/ngày (theo hợp đồng lao động đang là lái xe)= 1.600.000đ; Tiền em trai phục vụ trong thời gian nằm viện: 04 ngày x 300.000đ/ngày (theo hợp đồng lao động đang là lái xe)= 1.200.000đ; Bản thân khi ra viện nhưng do còn đau không đi làm được 10 ngày x 400.000đ/ngày (Có xác nhận của chủ sử dụng lao động ông T)= 4.000.000đ, và tại phiên tòa ông T đề nghị bồi thường thêm phần tổn thất tinh thần là 5.000.000đ. Tổng cộng số tiền đề nghị bồi thường là: **16.388.050đ** *(Mười sáu triệu ba trăm tám mươi tám nghìn không trăm năm mươi đồng).*

Hội đồng xét xử cũng đã giải thích cho ông T, qua bảng kê và phần yêu cầu tại Tòa thấy một số yêu cầu đưa ra là phù hợp và chưa phù hợp, ông T trình bày việc chấp nhận bao nhiêu là do Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo pháp luật. Hội đồng cũng đã đánh giá, phân tích đối chiếu các chứng từ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thấy những chứng từ cung cấp là hợp lệ và số tiền yêu cầu bồi thường là có căn cứ. Tuy nhiên số tiền đòi bồi thường tổn thất về tinh thần là cao so với thực tế, nên chỉ được chấp nhận là 2.000.000đ. Tổng cộng các khoản bồi thường được chấp nhận là: **13.388.050đ** *(Mười ba triệu ba trăm tám mươi tám nghìn không trăm năm mươi đồng.*

Tại phiên tòa cả ba bị cáo Nông Văn T, Nông Anh T và Nông Văn S trình bày trước khi xét xử cũng đã gặp ông T để thỏa thuận mức bồi thường, nhưng ông T đòi số tiền 20.000.000đ, do điều kiện hoàn cảnh các bị cáo không đủ khả năng nên không thống nhất được, nay tại phiên tòa chỉ nhất trí bồi thường số tiền 13.000.000đ, nhiều hơn không nhất trí, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Do vậy, buộc cả 3 bị cáo Nông Văn T, Nông Anh T và Nông Văn S phải bồi thường số tiền trên cho bị hại Bành Đức Đ theo quy định pháp luật. Cụ thể như sau: Nông Văn T phải bồi thường: 5.388.050đ; Nông Anh T phải bồi thường: 4.000.000đ; Nông Văn S phải bồi thường: 4.000.000đ.

[8] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) thanh kim loại đã rỉ sét, tay cầm bằng gỗ, bọc ngoài ống nhựa màu đen. Một đầu của thanh kim loại nhọn. Thanh kim loại có kích thước dài 0,98m, rộng 03cm, dày 0,1cm. Tay cầm dài 21,5cm, đường kính 02cm; 01 (một) chiếc rìu đen hai đầu bằng kim loại. Một đầu có lưỡi sắc nhọn, kích thước lưỡi dày 9,5cm. Giữa hai đầu có in nổi dòng chữ "FBIQQ", tay cầm bằng nhựa màu đen dài 36cm, đường kính 02cm; 01 (một) đoạn cây tre đã khô,

trên thân cây đã bị vỡ, một đầu cắt phẳng, đầu còn lại bị đốt cháy nham nhở, đoạn cây có kích thước dài 1,04m, đường kính 03cm; 01 (một) đoạn cây tre đã khô, kích thước dài 1,34m, đường kính trung bình 3,5cm. Một đầu được cắt phẳng, đầu còn lại được cắt vát; 01 (một) đoạn ống nhựa màu đen, kích thước dài 1,07m, đường kính 02cm; 01 (một) thanh kim loại, kích thước dài 1,09m, màu hồng, đường kính 02cm. Một đầu được bịt nhựa màu đỏ, bên trong thanh kim loại rỗng ruột; 01 chiếc đèn pin màu vàng, tím than, đã qua sử dụng, trên đèn phin có gắn dây đeo.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn S 01 chiếc điện thoại di động, mặt lưng màu xanh đen, nhãn hiệu VIVO, có số IMEI 1: 861177059947212; IMEI 2: 861177059947204. Điện thoại lắp 02 sim. Số thuê bao sim 1: 0989336215, sim 2: 0834329251. Điện thoại đã qua sử dụng, không liên quan đến vụ án.

* Các tài sản, vật dụng dùng để bẫy chim tự nhiên của Bành Đức Đ, Ban Vĩnh P cần xử lý như sau:

- Trả lại cho Bành Đức Đ 01 áo dài tay màu tím than, đỏ, trên ngực trái ngực áo có dòng chữ "NGÔI SAO SÁNG THÀNH PHỐ B" màu trắng. Phần lưng áo có bám dính đất. Áo có hai túi bên trong không có đồ vật gì.

- Tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 ắc qui đã qua sử dụng, màu đen. Trên ác qui có ghi dòng chữ "BATERI STANDARD", kích thước dài 18cm, rộng 0,7cm, cao 17cm; 01 loa phát thanh đã qua sử dụng, màu đen, có kích thước rộng 11,5cm, dài 28cm, cao 18cm; 01 đầu cắm thẻ nhớ đã qua sử dụng, nhãn hiệu SON-288; 01 chiếc bao tải dứa màu cam bên trong chứa: 01 tấm lưới bằng cước màu trắng, kích thước dài 30m, rộng 1,3m, đã qua sử dụng, có nhiều vết rách trên lưới; 01 túi cước dạng lưới màu xanh lục, đã qua sử dụng, có đường kính 60cm, dài 90cm; 01 tấm bạt đã qua sử dụng, một mặt màu đen, một mặt màu xanh lục, có miếng vá màu xanh dương ở góc bạt. Bạt có kích thước dài 02m, rộng 1,7m; 01 tấm bạt ly lon đã qua sử dụng, một mặt màu cam, mặt còn lại màu xanh dương, kích thước dài 04m, rộng 3,7m; 01 đèn pin đội đầu đã qua sử dụng, nhãn hiệu GUIPIN; 01 dao quắm màu đen đã qua sử dụng, dài 34cm, tay cầm dài 09cm, lưỡi dao dài 23cm.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T, Nông Anh T và Nông Văn S, phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

2. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn T 11 (Mười một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 tháng.

Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/4/2022.

3. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nông Anh T 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng.

Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/4/2022.

4. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn S 11 (Mười một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 tháng.

Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/4/2022.

- Giao bị cáo: Nông Văn T, Nông Anh T và Nông Văn S cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện HQ, tỉnh B và gia đình các bị cáo phối hợp với xã N, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

"Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

5. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Áp dụng Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nông Văn T, Nông Anh T và Nông Văn S phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại Bành Đức Đ. Trú tại: Xóm Nà Tẻng, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh B toàn bộ chi phí và các khoản trong thời gian điều trị, tổn thất tinh thần. Cụ thể: Nông Văn T phải chịu bồi thường: 5.388.050 (Năm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn không trăm năm mươi đồng); Nông Anh T phải chịu bồi thường: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn); Nông Văn S phải chịu bồi thường: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn). Tổng cộng là: **13.388.050đ** *(Mười ba triệu ba trăm tám mươi tám nghìn không trăm năm mươi đồng).*

(Xác nhận bị cáo Nông Văn S đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên biên lai thu tiền số 0002683 ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HQ, tỉnh B).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử: Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) thanh kim loại đã rỉ sét, tay cầm bằng gỗ, bọc ngoài ống nhựa màu đen. Một đầu của thanh kim loại nhọn. Thanh kim loại có kích thước dài 0,98m, rộng 03cm, dày 0,1cm. Tay cầm dài 21,5cm, đường kính 02cm; 01 (một) chiếc rìu đen hai đầu bằng kim loại. Một đầu có lưỡi sắc nhọn, kích thước lưỡi dày 9,5cm. Giữa hai đầu có in nổi dòng chữ "FBIQQ", tay cầm bằng nhựa màu đen dài 36cm, đường kính 02cm; 01 (một) đoạn cây tre đã khô, trên thân cây đã bị vỡ, một đầu cắt phẳng, đầu còn lại bị đốt cháy

nham nhở, đoạn cây có kích thước dài 1,04m, đường kính 03cm; 01 (một) đoạn cây tre đã khô, kích thước dài 1,34m, đường kính trung bình 3,5cm. Một đầu được cắt phẳng, đầu còn lại được cắt vát; 01 (một) đoạn ống nhựa màu đen, kích thước dài 1,07m, đường kính 02cm; 01 (một) thanh kim loại, kích thước dài 1,09m, màu hồng, đường kính 02cm. Một đầu được bịt nhựa màu đỏ, bên trong thanh kim loại rỗng ruột; 01 chiếc đèn pin màu vàng, tím than, đã qua sử dụng, trên đèn pin có gắn dây đeo.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn S 01 chiếc điện thoại di động, mặt lưng màu xanh đen, nhãn hiệu VIVO, có số IMEI 1: 861177059947212; IMEI 2: 861177059947204. Điện thoại lắp 02 sim. Số thuê bao sim 1: 0989336215, sim 2: 0834329251. Điện thoại đã qua sử dụng.

* Các tài sản, vật dụng dùng để bẫy chim tự nhiên của Bành Đức Đ, Ban Vĩnh P cần xử lý như sau:

- Trả lại cho Bành Đức Đ 01 áo dài tay màu tím than, đỏ, trên ngực trái ngực áo có dòng chữ "NGÔI SAO SÁNG THÀNH PHỐ B" màu trắng. Phần lưng áo có bám dính đất. Áo có hai túi bên trong không có đồ vật gì.

- Tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 ắc qui đã qua sử dụng, màu đen. Trên ác qui có ghi dòng chữ "BATERI STANDARD", kích thước dài 18cm, rộng 0,7cm, cao 17cm; 01 loa phát thanh đã qua sử dụng, màu đen, có kích thước rộng 11,5cm, dài 28cm, cao 18cm; 01 đầu cắm thẻ nhớ đã qua sử dụng, nhãn hiệu SON-288; 01 chiếc bao tải dứa màu cam bên trong chứa: 01 tấm lưới bằng cước màu trắng, kích thước dài 30m, rộng 1,3m, đã qua sử dụng, có nhiều vết rách trên lưới; 01 túi cước dạng lưới màu xanh lục, đã qua sử dụng, có đường kính 60cm, dài 90cm; 01 tấm bạt đã qua sử dụng, một mặt màu đen, một mặt màu xanh lục, có miếng vá màu xanh dương ở góc bạt. Bạt có kích thước dài 02m, rộng 1,7m; 01 tấm bạt ny lon đã qua sử dụng, một mặt màu cam, mặt còn lại màu xanh dương, kích thước dài 04m, rộng 3,7m; 01 đèn pin đội đầu đã qua sử dụng, nhãn hiệu GUIPIN; 01 dao quắm màu đen đã qua sử dụng, dài 34cm, tay cầm dài 09cm, lưỡi dao dài 23cm.

(Xác nhận số vật chứng trên đã được Công an huyện HQ bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện HQ số: 16, hồi 15 giờ 15 phút ngày 08 tháng 03 năm 2022).

7. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nông Văn T, Nông Anh T và Nông Văn S mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nông Văn T và Nông Anh T thuộc diện hộ cận nghèo theo Quyết định số: 68/QĐ-UB ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện HQ, tỉnh B, nên hai bị cáo được miễn phần án phí dân sự sơ thẩm; Nông Văn S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm của phần bồi thường, để sung quỹ Nhà nước.

8. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND Huyện, Tỉnh;
- Công an huyện HQ;
- Chi cục THADS huyện HQ;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Phòng KT, NV và THA tỉnh B;
- Các bị cáo T, T, S;
- Bị hại Bành Đức Đ;
- Người có QL&NVLQ;
- Người bào chữa cho 02 bị cáo:
- UBND xã N;
- Lưu: HS,THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thanh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Chí Cốt **Vi Văn Coóng** **Nguyễn Bá Thanh**